
Tuần: 2**Ngày soạn: 12/9/2022****Tiết: 4****Bài 4. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM, CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG****I. Mục tiêu cần đạt :****1. Kiến thức :**

- Trình bày được đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng nguồn lao động ở nước ta .

- Biết được sức ép dân số đối với việc giải quyết việc làm .

- Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở nước ta.

2. Kỹ năng : Phân tích biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu sử dụng lao động.

nước ta .

3. Thái độ: Có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường nơi đang sống và các nơi công cộng khác , tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường địa phương .

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ.

*** Yêu cầu đối với học sinh khuyết tật(câm điếc): Chỉ cần chép đủ nội bài học ghi trên bảng.**

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**1. Giáo viên :**

- Các biểu đồ về cơ cấu lao động .

- Bảng số liệu thống kê về sử dụng lao động, chất lượng cuộc sống.

- Tranh ảnh thể hiện sự tiến bộ nâng cao chất lượng cuộc sống .

2. Học sinh : Sách giáo khoa.**III. Hoạt động học tập:****A. Khởi động: (4')**

1. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập.

- Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học cho HS.

2. Phương pháp:

- Nêu vấn đề

- Đàm thoại gợi mở

3. Hình thức: Cá nhân

4. Tiến trình hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

? Vấn đề sử dụng nguồn lao động ở nước ta hiện nay như thế nào?

? Tình hình chất lượng cuộc sống người dân và vấn đề nâng cao chất lượng cuộc sống

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS

Bước 3: HS trả lời.

Bước 4: GV nhận xét dẫn dắt vào nội dung bài mới

B. Hình thành kiến thức mới: (34')

Hoạt động 1: I. Nguồn lao động và sử dụng lao động(14 phút)

1. Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng nguồn lao động ở nước ta .

2. Hình thức: Cá nhân

3. Phương pháp: nêu vấn đề

4. Các bước hoạt động

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Kiến thức cơ bản
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: - Dựa vào biểu đồ hình 4.1: ? Nhận xét về nguồn lao động nước ta ? ? Nhận xét về cơ cấu lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn. Giải thích nguyên nhân? - Nhận xét về chất lượng của nguồn lao động ở nước ta. (thấp) Để nâng cao chất lượng nguồn lao động, cần có những giải pháp gì? - Nguồn lao động nước ta có những mặt mạnh và những hạn chế nào?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS</p> <p>Bước 3: HS trả lời. bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét - HS nhận xét - Chất lượng thấp. cần đào tạo nguồn lao động. - Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật. - Hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn 	<p>1. Nguồn lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn lao động nước ta dồi dào và tăng nhanh. - Trung bình mỗi năm tăng thêm khoảng 1 triệu lao động - Chủ yếu ở nông thôn 75,8%.và phần lớn chưa qua đào tạo (78,8 %) - Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công

<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: ? Quan sát biểu đồ hình 4.2, nêu nhận xét về cơ cấu lao động và sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta. - Tình hình sử dụng lao động ở nước ta .</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS</p> <p>Bước 3: HS trả lời. bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Cơ cấu sử dụng lao động của nước ta có sự thay đổi theo hướng tích cực</p> <p>- Lao động trong nông lâm ngư nghiệp giảm, tăng tỉ lệ lao động trong công nghiệp , xây dựng và dịch vụ .</p>	<p>ngiệp , có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật. - Hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn.</p> <p>2. Sử dụng lao động</p> <p>- Số lao động có việc làm ngày càng tăng . - Cơ cấu sử dụng lao động của nước ta có sự thay đổi theo hướng tích cực giảm tỉ lệ lao động trong nông lâm ngư nghiệp , tăng tỉ lệ lao động trong công nghiệp , xây dựng và dịch vụ .</p>
--	---	--

Hoạt động 2 : Vấn đề việc làm (10 phút)

1. Mục tiêu: Biết được sức ép dân số đối với việc giải quyết việc làm .

2. Hình thức: Nhóm

3. Phương pháp: nêu vấn đề

4. Các bước hoạt động

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Kiến thức cơ bản
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: - Thảo luận : (4 nhóm – 5 phút) - Nhóm 1.2 :</p>		

<p>- Tại sao việc làm là vấn đề gay gắt ở nước ta? - Nhóm 3.4 :</p> <p>- Để giải quyết việc làm theo em cần phải có những giải pháp gì?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS Bước 3: HS trả lời. bổ sung. Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Lực lượng lao động dồi dào , còn nhiều lao động thiếu việc làm , đặc biệt ở nông thôn</p> <p>- Cần tăng cường các biện pháp giải quyết việc làm cho người lao động</p>	<p>- Lực lượng lao động dồi dào , còn nhiều lao động thiếu việc làm , đặc biệt ở nông thôn .</p> <p>- Tỷ lệ thất nghiệp của khu vực thành thị cả nước khá cao khoảng 6% .</p> <p>- Cần tăng cường các biện pháp giải quyết việc làm cho người lao động</p>
--	---	--

Hoạt động 3 : Chất lượng cuộc sống (10 phút)

1. Mục tiêu: Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở nước ta.

2. Hình thức: Cá nhân

3. Phương pháp: nêu vấn đề

4. Các bước hoạt động

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Kiến thức cơ bản
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: ? Chất lượng cuộc sống của nhân dân đang được cải thiện như thế nào</p> <p>? Chất lượng cuộc sống của dân cư như thế nào giữa các vùng nông thôn và thành thị, giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội ?</p>	<p>- Tỷ lệ người lớn biết chữ đạt 90,3% năm 1999. Mức thu nhập bình quân đầu người tăng , người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn...</p> <p>- có sự chênh lệch.</p>	

<p>? Hình 4.3 nói lên điều gì? ? Mối quan hệ giữa môi trường sống và chất lượng cuộc sống Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS Bước 3: HS trả lời. bổ sung. Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Nhà nước quan tâm đến đời sống nhân dân</p>	<p>- Chất lượng cuộc sống của nhân dân ngày càng được cải thiện.(sgk) - Chất lượng cuộc sống còn thấp, chênh lệch giữa các vùng, các tầng lớp dân cư trong xã hội .</p>
--	--	--

C. Luyện tập. (4') Chọn vào câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Phân theo cơ cấu lãnh thổ, nguồn lao động nước ta chủ yếu phân bố ở

A. Nông thôn B. Thành thị C. Vùng núi cao D. Hải đảo.

Câu 2: Phân theo cơ cấu lao động, nguồn lao động nước ta chủ yếu tập trung trong hoạt động

A. Công nghiệp **B. Nông nghiệp** C. Dịch vụ D. Cả ba lĩnh vực bằng nhau.

Câu 3: Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là

A. đã qua đào tạo B. lao động trình độ cao

C. lao động đơn giản **D. lao chưa qua đào tạo.**

Câu 4: Tại sao nguồn lao động dư mà nhiều nhà máy, xí nghiệp vẫn còn thiếu lao động?

A. Số lượng nhà máy tăng nhanh B. Nguồn lao động tăng chưa kịp

C. Nguồn lao động nhập cư nhiều D. **Nguồn lao động không đáp ứng được yêu cầu.**

Câu 5: Để giải quyết vấn đề việc làm, theo em cần phải có những giải pháp

Đáp án:

- Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng.

- Đa dạng hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn.

- Phát triển hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở các đô thị.

- Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề, giới thiệu việc làm.

Câu 6: Chúng ta đã đạt được những thành tựu gì trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân?

Đáp án:

- Tỷ lệ người lớn biết chữ đạt 90,3% (năm 1999).

- Mức thu nhập bình quân trên đầu người gia tăng.

- Người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn.

- Tuổi thọ bình quân tăng.

- Tỷ lệ tử vong, suy dinh dưỡng của trẻ em ngày càng giảm, nhiều dịch bệnh được đẩy lùi....

D. Vận dụng, mở rộng: (3')

Dựa vào bảng số liệu (trang 17 SGK) nêu nhận xét về sự thay đổi trong sử dụng lao động theo các thành phần kinh tế ở nước ta và ý nghĩa của sự thay đổi đó

Đáp án:

- Từ năm 1985 đến năm 2002 cơ cấu sử dụng lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta có sự chuyển biến theo hướng: tỉ lệ lao động ở khu vực Nhà nước giảm từ 15,0% (năm 1985) xuống còn 9,6% (năm 2002); tỉ lệ lao động ở các khu vực kinh tế khác tăng, từ 85,0% (năm 1985) lên 90,4% (năm 2002).

- Sự thay đổi đó thể hiện nền kinh tế nước ta đang chuyển sang thị trường và hội nhập với quốc tế.

- Chuẩn bị bài 5: Thực hành

- Học bài và hoàn thành vở bài tập .

+ Trả lời câu hỏi theo gợi ý bài thực hành .